TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15- 01-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Quỳ

Bà Đặng Thị Đôi

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đoàn Hùng V, sinh năm 1983; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1982; đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ HDTQ số 09 ấp L1, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13 tháng 10 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là anh Đoàn Hùng V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Hùng V và chị Lê Thị Thu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 8 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống tại thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Anh V và chị T chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, phong cách sống không phù

hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau trong cuộc sống hàng ngày, mặc dù đã được gia đình và địa phương hòa giải nhưng không cải thiện được. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay anh V nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không có tình cảm, không có tiếng nói chung, anh V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung*:* Anh V khai vợ chồng không có con chung do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh V khai vợ chồng không có tài sản và vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lê Thị Thu T thống nhất với lời khai của anh V về điều kiện kết hôn và thời gian chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Do mâu thuẫn nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11/2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay anh V có đơn xin ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị T thống nhất với lời khai của anh V, anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị T thống nhất với lời khai của anh V, anh chị không có tài sản và vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh Đoàn Hùng V và chị Lê Thị Thu T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của anh Đoàn Hùng V được ly hôn chị Lê Thị Thu T. Về con chung và tài sản chung đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn là chị Lê Thị Thu T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ HDTQ số 09 ấp L1, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre nhưng giữa anh Đoàn Hùng V và chị Lê Thị Thu T đã lập biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng là Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn của anh chị nên căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 thì Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về sự vắng mặt của bị đơn là chị Lê Thị Thu T: Chị T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là chị Lê Thị Thu T.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Đoàn Hùng V và chị Lê Thị Thu T kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, phong cách sống không phù hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau trong cuộc sống hàng ngày, mặc dù đã được gia đình và địa phương hòa giải nhưng không cải thiện được. Do mâu thuẫn nên chị Thu và anh V đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị T phù hợp với lời khai của cả hai bên. Anh V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T, chị T cũng đồng ý ly hôn với anh V. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị T đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh V xin ly hôn với chị T.

[3] Về con chung và tài sản chung vợ chồng: Do anh V và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Anh Đoàn Hùng V được ly hôn với chị Lê Thị Thu T.

2. Về nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đoàn Hùng V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí anh V đã nộp theo biên lai số 0009331 ngày 05/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Anh V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đoàn Hùng V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Lê Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T, huyện K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang